

ĐẢNG TỔNG HỘI KHU THỊ ĐỢT THƯỜNG, HỒ THỤ, TÀI ĐỀ NH CƯ
DỰ ÁN TUYỂN CAO TỐC CỦA KHẨU HỮU NGHỊ - CHI LẮNG THEO HÌNH THỨC BOT (ĐỊA PHẬN THÔN HỢP NHẤT, ĐỢT 1)
(Kèm theo Quyết định số 1343 /QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chủ tịch UBND xã Hoàng Văn Thụ)

STT	Họ tên người sử dụng đất	Đất đai		Cây, hoa màu	Hỗ trợ khác theo khoản 2 Điều 108 tại Quyết định số 381/QĐ-UBND ngày 08/8/2025 của UBND xã Hoàng Văn Thụ	Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
		Bồi thường	Hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm				
1	2	3	4	5	6	7=3+4+5+6	8
	Hộ ông Triệu Viết Hải vợ là Ngọc Thị Kin	92.867.400	332.001.200	43.441.270	6.497.280	474.807.150	

BIỂU TÍNH BỒI THƯỜNG ĐẤT ĐAI
DỰ ÁN TUYỂN CAO TỐC CỬA KHẨU HỮU NGHỊ - CHI LĂNG THEO HÌNH THỨC BOT
(Kèm theo Quyết định số 1343/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2025 của UBND xã Hoàng Văn Thụ)

BIỂU 02

(Đơn vị tính: VN đồng)

STT	Họ và tên	Bản đồ trích đo				Bản đồ địa chính			Diện tích thu hồi (m2)	Tổng diện tích thu hồi (m2)	Vị trí (Nhóm I)	Loại đất bồi thường	Bồi thường đất		Cộng	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm				Tổng cộng	Giấy tờ pháp lý						Ghi chú
		Số tờ	Số thửa	Loại đất	Diện tích	Số thửa	Số tờ	Loại đất					Giá các loại đất	Thành tiền		Hệ số	Giá đất	Thành tiền	Cộng		Số vào sổ GCN	Ngày cấp	Chữ sử dụng theo GCN QSDĐ (ghi rõ họ ông(bà) hay cá nhân, DC thường trú	Diện tích được cấp theo GCN	Loại đất được cấp theo GCN	Quá trình sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15=10*14	16	17	18	19=10*17*118	20	21=16+20	22	23	24	25,0	26	27	28
1	Hộ ông Triệu Viết Hải vợ là Ngọc Thị Kín									2009,40					92.867.400				332.001.200	424.868.600							
		4	38	CLN	396	38	47	LNK	396		3	LNK	38.000	15.048.000		4	35.000	55.440.000					Chưa cấp GCN	3216		Bố mẹ để lại từ trước năm 1999, gia đình trồng hồng , sử dụng ổn định không tranh chấp	
			38	CLN	52,9	38	47	LNK	44,3		3	LNK	38.000	1.683.400		4	35.000	6.202.000					Chưa cấp GCN	3216		Bố mẹ để lại từ trước năm 1999, gia đình trồng hồng , sử dụng ổn định không tranh chấp	
									8,6		3	LNK	38.000	326.800												Không hỗ trợ do trên đất có nhà lều trồng quế, không trực tiếp sản xuất nông nghiệp	
			38	CLN	381,2	38	47	LNK	381,2		3	LNK	38.000	14.485.600		4	35.000	53.368.000					Chưa cấp GCN	3216		Bố mẹ để lại từ trước năm 1999, gia đình trồng hồng , sử dụng ổn định không tranh chấp	
		4	52	LUK	1179,3	52	47	LUK	1179,3		3	LUK	52.000	61.323.600		4	46.000	216.991.200			CH 01214	27/12/2013	Hộ ông Triệu Viết Hải và bà Ngọc Thị Kín	1179,3	LUK	Bố mẹ để lại sử dụng ổn định không có tranh chấp	

BIỂU TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI CÂY CỎI, HOA MÀU

BIỂU 03

DỰ ÁN TUYỂN CAO TỐC CỬA KHẨU HỮU NGHỊ - CHI LĂNG THEO HÌNH THỨC BOT

(Kèm theo Quyết định số 1343 /QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2025 của UBND xã Hoàng Văn Thụ)

(Đơn giá áp dụng theo Quyết định số 42/2024/QĐ-UBND ngày 28/10/2024 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

Số TT	Họ và tên hộ gia đình, cá nhân	Cây cỏi, hoa màu thuộc thửa đất	Cây, hoa màu trên đất thu hồi	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	HS ĐC	Thành tiền	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8,0	9	10
1	Triệu Viết Hải	38	Hồng Đk > 10-15cm	Cây	18	1.409.000		25.362.000	Có VKT = 8,6m2
			Mắc mật Đk > 10 - 15cm	Cây	1	706.000		706.000	
			Quýt Đk > 5 -6cm	Cây	1	651.000		651.000	
			Ôi Đk > 30cm	Cây	1	400.000		400.000	
			Xoan Đk = 35 - 40cm	Cây	1	210.000	0,5	105.000	
			Bưởi Đk = 2 - 5cm	Cây	1	182.000		182.000	
			Bưởi Đk = 4 - 5cm	Cây	4	182.000		728.000	
			Thanh long thân dài > 2 m chưa quả	Cây	1	175.000		175.000	
			Quýt Đk = 2 - 5cm	Cây	15	171.000		2.565.000	
			Hồng Đk = 4 -5cm	Cây	4	161.000		644.000	
			Hồng Đk < 2cm	Cây	2	71.000		142.000	
			Hồng Đk < 2cm	Cây	15	71.000	0,3	319.500	
			Sưa đỏ Đk = 3- 5cm	Cây	2	70.000	0,3	42.000	
			Gỗ tạp Đk > 10 - 15cm (nhóm 6.2)	Cây	3	66.000	0,5	99.000	
			Quýt Đk < 2cm	Cây	1	61.000	0,3	18.300	

1a	Triệu Viết Hải	38	Chuối tây trồng > 1 năm chưa ra hoa	Cây	105	27.000	0,3	850.500	
			Gỗ tạp Đk = 5 - 10cm (nhóm 6.2)	Cây	3	24.000	0,5	36.000	
			Rau các loại (ngót)	m2	25	9.500	0,6	142.500	
			Dứa chưa quả	Cây	48	3.800	0,3	54.720	
		Bờ 52	Bưởi Đk < 2cm	Cây	10	66.000		660.000	
			Tre già đã ra lá cành	Cây	18	10.500		189.000	
			Tre già đã ra lá cành	Cây	28	10.500		294.000	
			Tre già đã ra lá cành	Cây	22	10.500		231.000	
		52	Lúa	m2	1179,3	7.500		8.844.750	
	Cộng giá trị cây hoa màu Triệu Viết Hải							43.441.270	

||

BIỂU 05

(Đơn vị tính: VNĐồng)

[illegible]